TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 238/2019/HNGĐ-ST Ngày: 05/9/2019 V/v: *Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân

Ông Hoàng Ngọc Năm

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Hoa, KSV.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn 5, xã Hoằng T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn 1, xã Hoằng T, Hoằng H, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt bị đơn chị Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2019, các lời khai trong hồ sơ vụ án, biên bản hòa giải các ngày 20/8/2019, nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày:

Anh Lê Văn D và chị Lê Thị T kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoằng T, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống với nhau bất đồng quan điểm. Vợ chồng chúng tôi đã sống ly

thân từ tháng 10/2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị T có hai con chung là cháu Lê Huy Hoàng, sinh ngày 27/3/2013 và Lê Huy Hải, sinh ngày 11/9/2015. Hiện nay cháu Hoàng đang ở với anh D, cháu Hải ở với chị T. Nay ly hôn anh D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Lê Văn D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2019 và tại các biên bản hòa giải ngày 20/8/2019 bị đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh D kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 được UBND xã Hoằng T, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2015 anh D đi lao động nước ngoài ở nhà bố mẹ chồng, chị chồng, em chồng đã đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Chị buộc phải về ở nhờ nhà ngoại để nương tựa cho đến nay. Thỉnh thoảng anh D có gọi điện về chỉ hỏi thăm con còn không nói chuyện với chị mà còn chửi chị. Nay anh D làm đơn xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Đề nghị Tòa án giải quyết .

Về con: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn D có 02 chung Lê Huy Hoàng, sinh ngày 27/3/2013; Lê Huy Hải, sinh ngày 11/9/2015 hiện nay cháu Hoàng đang ở với anh D, cháu Hải ở với tôi. Do tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết phần con. Còn nếu phải ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh D nuôi. Vì do điều kiện hiện nay tôi không có chỗ ở phải đi ở nhờ nhà ngoại, không có công ăn việc làm ổn định.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về quá trình tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân:

Đại diện VKS nhận thấy tình cảm vợ chồng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mặc dù chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng cho đến nay quan điểm của anh D vẫn cương quyết ly hôn và vợ chồng đã có một thời gian dài ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay. Không ai quan tâm đến ai thể hiện tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần . Trong khi đó anh D

một mực cương quyết ly hôn. Do đó Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Lê Văn D được ly hôn với Lê Thị T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Huy Hoàng, sinh ngày 27/3/2013 và Lê Huy Hải, sinh ngày 11/9/2015. Nay ly hôn anh D có nguyện vọng được nuôi 02 cháu. Chị T cũng đồng ý giao 02 con cho anh D nuôi dưỡng. Do đó chấp nhận sự tự nguyện của chị T và anh D. Đề nghị HĐXX giao cháu Hoàng và cháu Hải cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Lê Văn D, chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Lê Văn D không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn D làm đơn đề nghị ly hôn đến Tòa án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T biết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa ngày 04/9/2019, do chị T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Lê Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị T kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoằng T, huyện Hoằng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải nổi, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Mặc dù chị T mong muốn đoàn tụ nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay anh, chị không thể hiện tình cảm đoàn tụ. Trong khi đó anh D vẫn cương quyết xin được ly hôn. Do đó HĐXX xét thấy tình cảm của anh chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn D đối với chị Lê Thị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị T có hai Lê Huy Hoàng, sinh ngày 27/3/2013 và Lê Huy Hải, sinh ngày 11/9/2015. Anh D có nguyện vọng được nuôi hai cháu, chị T cũng chấp nhận để anh D được trực tiếp nuôi con. Do đó HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của anh D, chị T. Tiếp tục giao hai cháu Lê Huy Hoàng, Lê Huy Hải cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Nguyên đơn là anh Lê Văn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56,81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1.Về hôn nhân: Anh Lê Văn D được ly hôn chị Lê Thị T.

2.Về con chung: Anh Lê Văn D, chị Lê Thị T có 02 con chung cháu Lê Huy Hoàng, sinh ngày 27/3/2013; Lê Huy Hải, sinh ngày 11/9/2015.

Giao cháu Lê Huy Hoàng, Lê Huy Hải cho anh Lê Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật. Chị T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Lê Văn D, chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2018/0005725 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh Dũng đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND xã Hoằng T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương